| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 11 - NINH BÌNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 248/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - NINH BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Vũ Văn Anh.
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Bà Nguyễn Thị Thuý Mùi.
2. Ông Lê Văn Mạnh.

***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thu Hiền - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 11 - Ninh Bình.

***Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân Khu vực 11 - Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Én - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 11 - Ninh Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2026/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2026/QĐHPT-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2026, giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị B, sinh năm 1975.
*Bị đơn:* Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1971.
Cùng địa chỉ: Xóm E, xã N, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị B, anh Đ (chị B xin vắng mặt, anh Đ vắng mặt không lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Nguyên đơn chị Phạm Thị B trình bày:

Chị và anh Phạm Văn Đ tự nguyên kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) năm 1992. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống khiến vợ chồng thường xuyên va chạm, bức xúc. Hiện nay chị và anh Đ sống ly thân kể từ tháng 01/2025 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Phạm Văn Đ có 02 con chung là cháu Phạm Thị Hoài V, sinh năm 1994 và cháu Phạm Thành L, sinh ngày 19/3/2012. Cháu V đã trưởng thành và tự lập được nên chị B không có yêu cầu gì. Chị B xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, chị đề nghị anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu L 02 triệu đồng/01 tháng.

Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác có liên quan: Chị B không đề nghị toà án giải quyết.

2. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã báo gọi nhưng anh Đ không đến làm việc. Tại các buổi làm việc với Tòa án và chính quyền địa phương tại nhà anh Phạm Văn Đ ở xóm E N,  xã N, tỉnh Ninh Bình, anh Đ trình bày: Anh Đ kết hôn với chị Phạm Thị B năm 1992. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh khoảng hơn một năm nay do bất đồng quan điểm sống, chị B về nhà ngoại khoảng 6 tháng nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị B xin ly hôn anh đồng ý.

Anh và chị Phạm Thị B có 02 con chung là cháu Phạm Thị Hoài V, sinh năm 1994 đã xây dựng gia đình. Cháu Phạm Thành L, sinh ngày 19/3/2012, hiện cháu đang sống cùng chị B. Anh đồng ý để cháu L cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác có liên quan: Anh chị tự thoả thuận.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh Đ vắng mặt. Chị B có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Chị B xin giải quyết vắng mặt, anh Đ đã được toà án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa có quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị B, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị B và anh Phạm Văn Đ. Giao cháu Phạm Thành L, sinh ngày 19/3/2012 cho chị Phạm Thị B nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo

dục. Anh Phạm Văn Đ phải đóng góp cấp dưỡng nuôi cháu L 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 6/2026 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Các bên có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền thăm nom con chung, không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đều vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Phạm Thị B và anh Phạm Văn Đ theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Phạm Thị B và anh Phạm Văn Đ là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống khiến vợ chồng thường xuyên va chạm, bức xúc. Hiện nay chị và anh Đ sống ly thân kể từ tháng 01/2025 đến nay. Về phía anh Đ, mặc dù anh biết việc chị B xin ly hôn, đã được Toà án triệu tập để tham gia tố tụng, thông báo để hoà giải cho anh chị nhưng anh Đ vẫn vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với chị B nữa. Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh chị nhưng anh Đ vẫn vắng mặt. Chị B đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án và giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Đ nên Tòa án không thể gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị B và anh Đ đã trầm trọng, hiện tại đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị B xin ly hôn anh Đ và anh Đ cũng nhất trí thuận tình ly hôn. Thấy việc thuận tình ly hôn của chị B và anh Đ là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

Về con chung: Chị Phạm Thị B và anh Phạm Văn Đ có hai con chung là cháu Phạm Thị Hoài V, sinh năm 1994 và cháu Phạm Thành L, sinh ngày 19/3/2012. Cháu V đã trưởng thành và tự lập được nên anh chị không có yêu cầu gì. Hiện nay cháu L đang ở với chị B, hơn nữa anh chị cũng có ý kiến thống nhất là để cháu L cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, cần giao cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Anh Đ có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng cho cháu Phạm Thành L là 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 6/2026 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Không ai có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị B tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Ninh Bình là phù hợp

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị B và anh Phạm Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thành L, sinh ngày 19/3/2012. Anh Phạm Văn Đ phải có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu Phạm Thành L mỗi tháng 02 (hai) triệu đồng, kể từ tháng 06/2026 cho đến khi cháu Phạm Thành L đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Phạm Thị B tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Phạm Thị B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng, tổng cộng là 600.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu án phí Toà án số 0000558, ngày 29/01/2026 của Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình, chị Phạm Thị B còn phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Phạm Thị B và anh Phạm Văn Đ được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND Tỉnh Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự Tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 11 - Ninh Bình;
- Các đương sự;
- UBND Nghĩa Hưng;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Anh**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn A**